



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG THỰC PHẨM VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

TS. Chu Quốc Thịnh
Q.Cục trưởng - Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế

1



NỘI DUNG CHÍNH

- 1** Xu hướng định hình tương lai của an ninh lương thực toàn cầu (2025 - 2045)
- 2** Tổng quan thị trường thực phẩm trên Thế giới
- 3** Tổng quan thị trường thực phẩm tại Việt Nam
- 4** Các chính sách sửa đổi Luật an toàn thực phẩm

2

Xu hướng định hình tương lai của an ninh lương thực toàn cầu (2025 - 2045)

3

Thách thức toàn cầu & động lực thay đổi

Tăng trưởng dân số đến 9,7 tỷ năm 2045

Đô thị hóa 68% dân thành thị năm 2050

Biến đổi khí hậu làm giảm năng suất từ 5-15% ở các vùng nhiệt đới.

Thất thoát và lãng phí thực phẩm 30% sản lượng toàn cầu bị lãng phí.

Thực phẩm không an toàn: 600 triệu ca bệnh, 420 nghìn ca tử vong mỗi năm.

Các quy định thương mại gia tăng

Nông nghiệp cơ bản chiếm tỉ trọng lớn và gia tăng

Thực phẩm chế biến giàu protein và thực phẩm bổ sung tăng (từ 4 nghìn tỷ USD lên 10 nghìn tỷ USD, tăng trưởng 4-5%/năm)

Công nghệ thực phẩm và protein thay thế tăng (từ 0,2 nghìn tỷ USD lên 2,5 nghìn tỷ USD, tăng trưởng 15-20%/năm)

Đô thị hoá khiến con người **phụ thuộc thực phẩm đóng gói tiện lợi** ngày càng nhiều.

Ứng phó với biến đổi khí hậu để tăng năng suất và an toàn thực phẩm

Đẩy mạnh công nghệ chế biến, bảo quản, và dây chuyền lạnh

Áp dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc xuất xứ

4

5 xu hướng thực phẩm tương lai

AI

Công nghiệp hóa công nghệ thực phẩm

- Công nghệ sinh học/robot/AI định hình lại cách thực phẩm được sản xuất, chế biến và giám sát
- ≈20% protein từ các nguồn thay thế vào năm 2045
- Kiểm toán an toàn kỹ thuật số – AI Empowered Tool

QR

Truy xuất nguồn gốc kỹ thuật số và minh bạch

- Blockchain/QR giảm kiểm tra từ trang trại đến bàn ăn từ 7 ngày → vài giây (thí điểm BM-Walmart)
- Đến năm 2035, 60% hàng xuất khẩu cần tích hợp dữ liệu an toàn kỹ thuật số

N+

Dinh dưỡng & dự phòng sức khỏe

- Thị trường thực phẩm chức năng toàn cầu đạt 1 nghìn tỷ USD vào năm 2035 (Frost & Sullivan).
- Các chính phủ ngày càng lồng ghép dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và nâng cao sức khỏe: Chương trình Shokuiku của Nhật Bản, chiến lược Farm-to-Fork của EU.
- Thực phẩm bổ sung và an toàn hơn trở thành chìa khóa để chống lại suy dinh dưỡng và bệnh mãn tính đồng thời

CO2

Tính bền vững & Hệ thống tuần hoàn

- EU Green Deal & Tiêu chuẩn truyền động BCG Thái Lan
- Phụ phẩm → thức ăn chăn nuôi/năng lượng sinh học (chất thải ↓ lên đến 30%)
- Đồng quy định về an toàn + carbon/nước vào năm 2045

NET

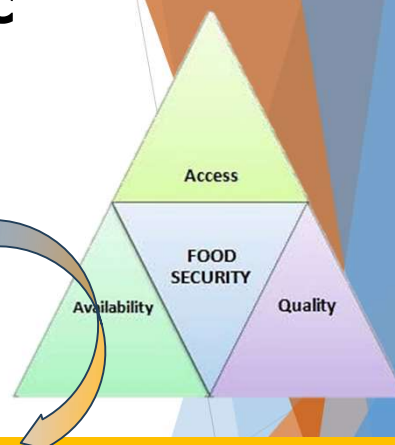
Mạng lưới an ninh lương thực khu vực

- Hệ thống kiểm tra và dự trữ chung của EU và Châu Phi
- Thực phẩm chế biến sẵn có thể truy xuất nguồn gốc cho các kho dự trữ khẩn cấp
- Thực phẩm chế biến an toàn và có thể truy xuất nguồn gốc đóng vai trò là chất ổn định trong các kho dự trữ khẩn cấp trong khu vực

5

Tam giác an ninh lương thực

- ▶ Tính sẵn có: Khả năng bảo quản, ngăn ngừa thất thoát, không bị thiếu hụt.
- ▶ Khả năng tiếp cận: **Thực phẩm an toàn**, giá cả phải chăng.
- ▶ **Đảm bảo chất lượng**: Bổ sung dinh dưỡng, không bị ô nhiễm.



Không có an toàn thực phẩm, an ninh lương thực không thể tồn tại.

Thực phẩm an toàn tăng cường sức khỏe, năng suất và niềm tin của thị trường.

Hệ thống thực phẩm an toàn = Tương lai bền vững.

6

Tổng quan thị trường thực phẩm trên Thế giới

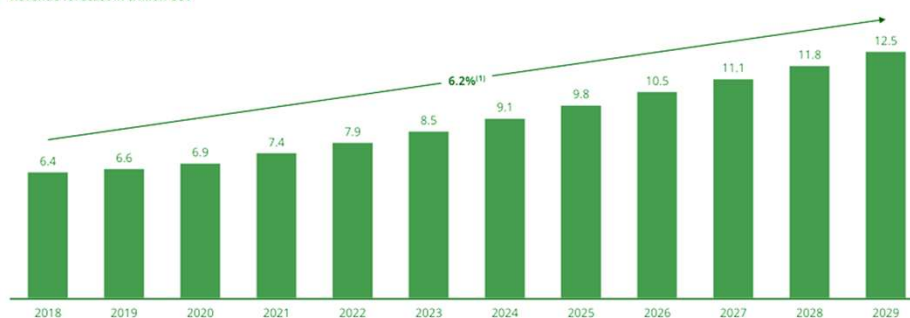
7

Tổng quan ngành thực phẩm toàn cầu (Từ 2023 - 2029)

**Doanh thu thực phẩm tăng từ 8,5 nghìn tỷ -> 12,5 nghìn tỷ USD
(Tỉ lệ tăng trưởng kép trung bình hàng năm ~ 6,2%)**

Châu Á lớn nhất: 4,12 nghìn tỷ -> 6,19 nghìn tỷ USD

Revenue forecast in trillion US\$



Notes: CAGR: Compound Annual Growth Rate
Source: Statista, Statista, Statista, 2024

Market Insights
by statista

8

Tổng quan ngành thực phẩm toàn cầu (Từ 2023 - 2029)

Phân khúc lớn nhất: Thịt (từ 1,37 nghìn – 1,97 nghìn tỷ USD)
Tiếp theo: ngũ cốc, trứng sữa, rau, quả, hạt, đồ ăn vặt, cá, hải sản,...
Mức độ tăng trưởng hàng năm: dao động 6,5% ở tất cả các ngành hàng



9

Quy mô thị trường tiêu thụ thực phẩm bảo vệ sức khỏe Thế giới

Quy mô thị trường:

Mỹ: 99,4 tỷ USD
 Trung Quốc: 56,6 tỷ USD
 Australia: 5,2 tỷ USD
 Indonesia: 4,9 tỷ USD
 Thái Lan: 4,3 tỷ USD
Việt Nam: 2,7 tỷ USD
 Philippine: 2,2 tỷ USD
 Malaysia: 1,9 tỷ USD

Theo đầu người:

Mỹ: 291,8 USD
 Australia: 191,0 USD
 Thái Lan: 60,9 USD
 Malaysia: 55,2 USD
 Trung Quốc: 40,0 USD
Việt Nam: 27,1 USD
 Philippine: 19,1 USD
 Indonesia: 17,3 USD

Consumer Health

Market Size

Retail Value RSP, USD million; Constant 2025, YOI (2025 Ex. Rates, 2025)



Vietnam Explore in Detail

Market Size 2025, USD million

2,753.4

Per Capita 2025, USD

27.1

Forecast Growth 2025-2030 CAGR

5.4%

Global Figure

2025, USD million

338,086.7

Regional Comparison

2025, USD million

Asia Pacific

Australasia

Eastern Europe

Latin America

Middle East and Africa

North America

Western Europe

Trung Quốc và Mỹ là những thị trường hàng đầu thúc đẩy xu hướng toàn cầu

© Euromonitor International 2025

10

Thị trường thực phẩm bảo vệ sức khỏe Thế giới

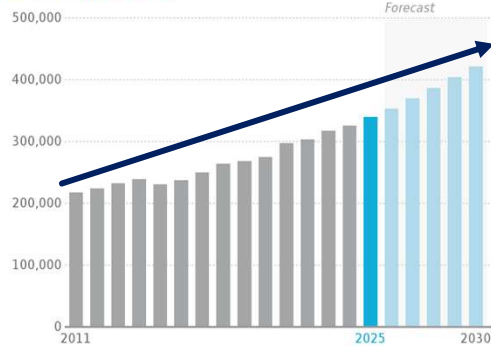
2025 – 2030: Tăng từ ~338 tỷ USD đến ~440 tỷ USD

Riêng dinh dưỡng thể thao có xu hướng giảm tỷ lệ tăng trưởng

Sales of Consumer Health in World

Retail Value RSP - USD million - Current - 2011-2030

338,087



Passport

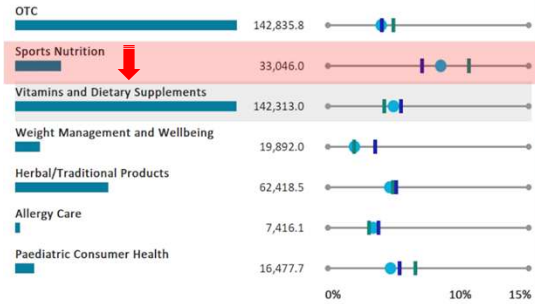
© Euromonitor International 2025

Sales of Consumer Health in World by Category

Retail Value RSP - USD million - Current - 2025

Click on a Category to update Sales Chart

Growth Performance



CONSUMER HEALTH

338,086.7

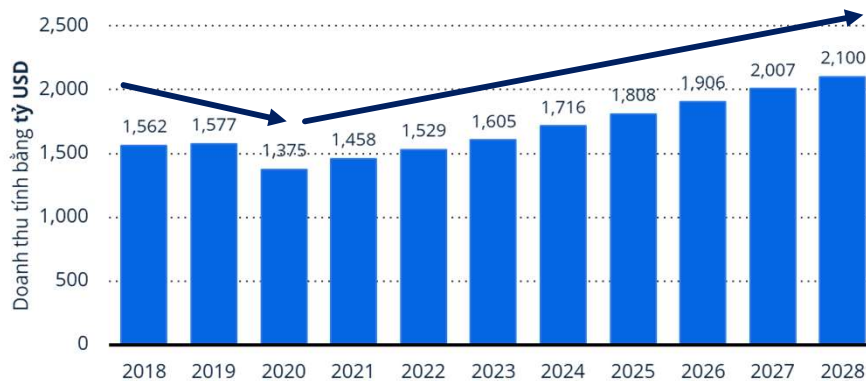
0% 10% 15%
CURRENT YEAR % GROWTH

© Euromonitor International 2025

11

Nước giải khát toàn cầu

**Xu hướng chậm lại vào năm 2020
nhưng tăng nhanh trở lại từ năm 2021 – nay
ước tính đạt 2.100 tỷ USD năm 2028**



Nguồn: Statista; Thông tin chi tiết về thị trường tiêu dùng Statista; ID 1307556

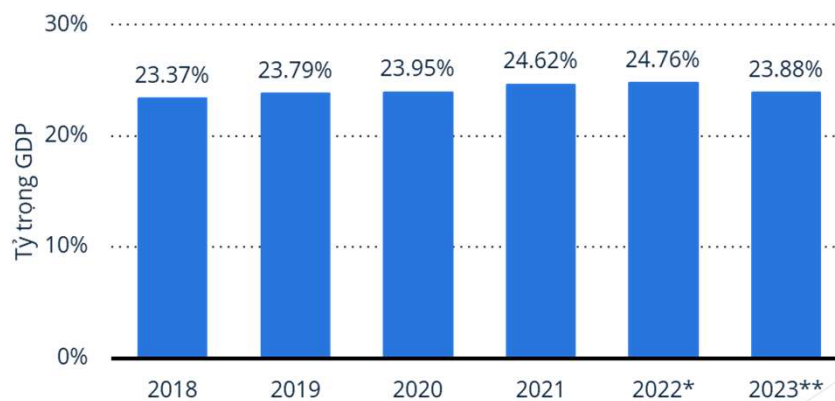
12

Tổng quan thị trường thực phẩm tại Việt Nam

13

Đóng góp GDP ngành sản xuất tại Việt Nam từ 2018 - 2023

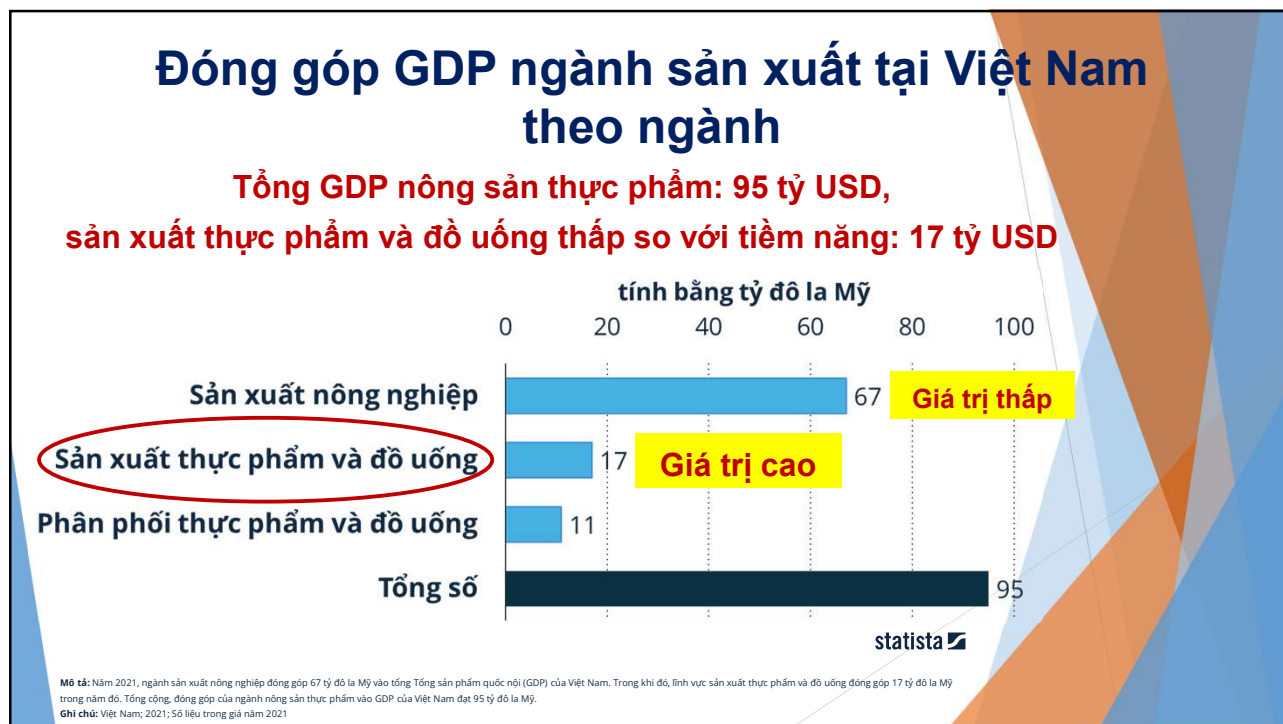
Sản xuất đóng góp ~23,9% GDP trong tổng số 430 tỷ USD



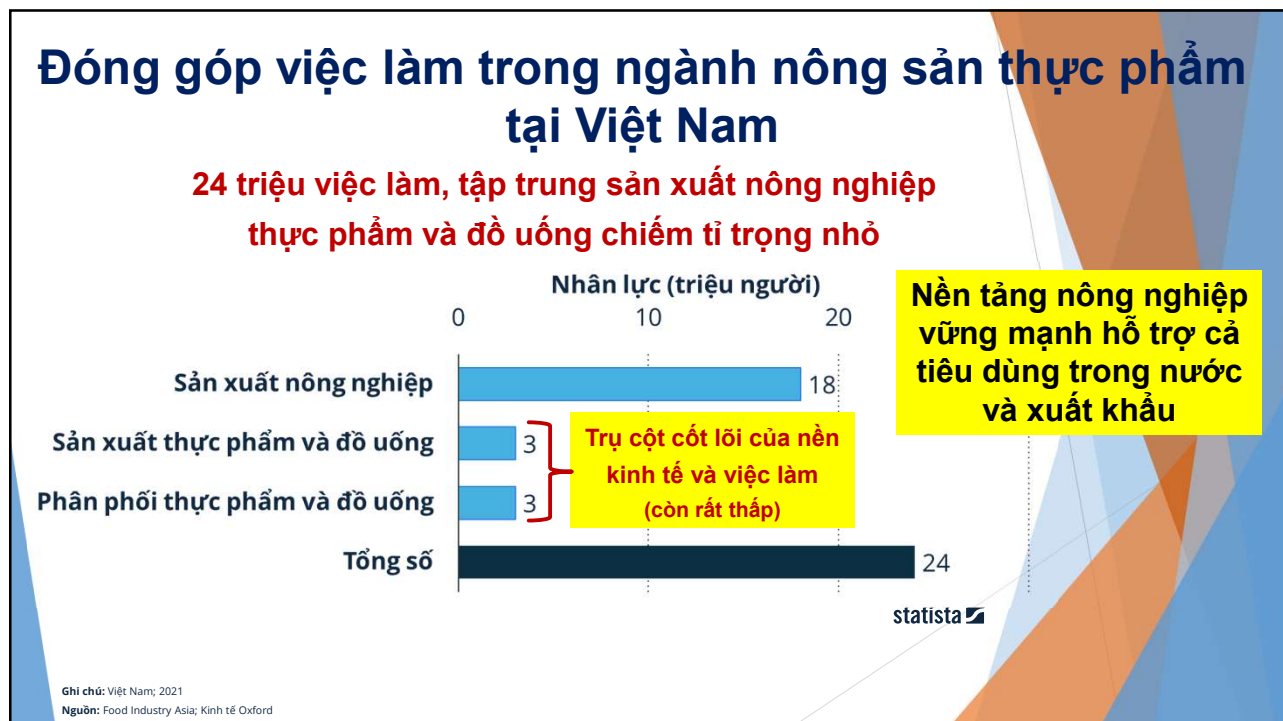
Mô tả: Năm 2023, lĩnh vực sản xuất của Việt Nam chiếm 23,88% tổng GDP của cả nước, đạt giá trị trên 2,4 triệu tỷ đồng Việt Nam (VND). Trong năm đó, GDP của Việt Nam đạt xấp xỉ 10,2 triệu tỷ đồng.
Ghi chú: Việt Nam; 2018 đến 2023; *Sơ bộ. ** Ước tính. Số liệu trước năm 2023 là từ báo cáo trước đó.
Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

statista

14



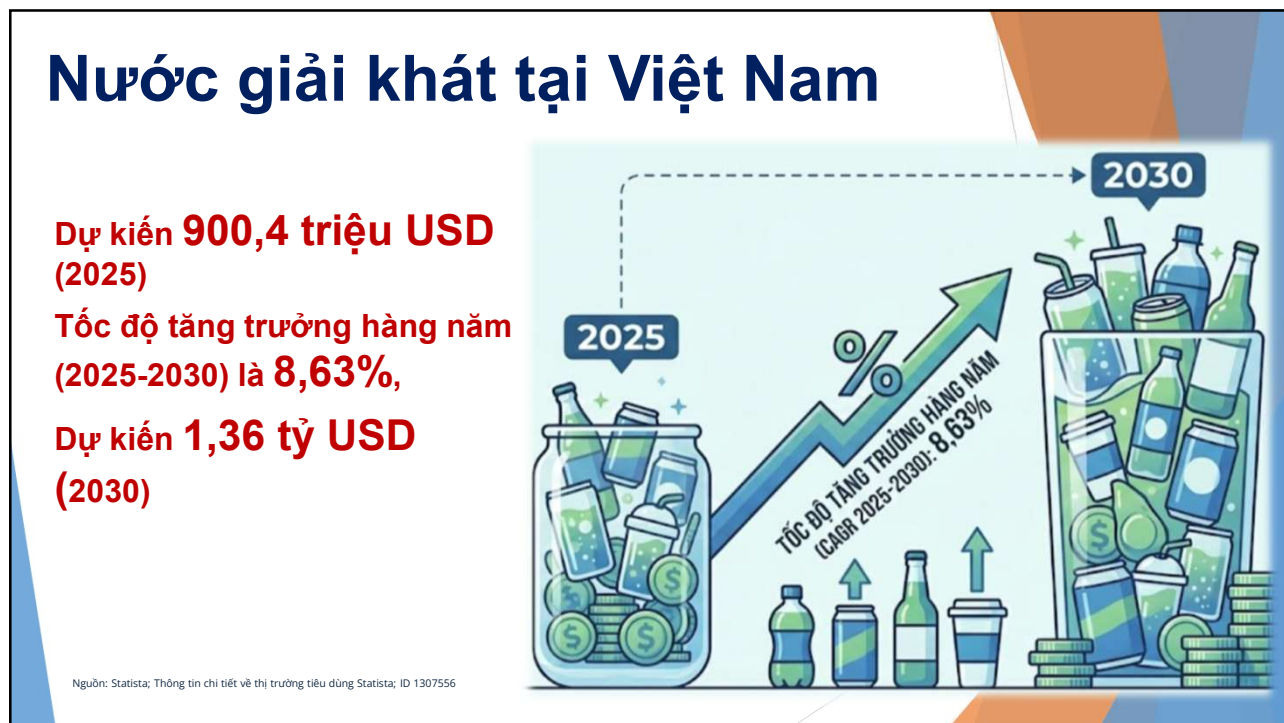
15



16



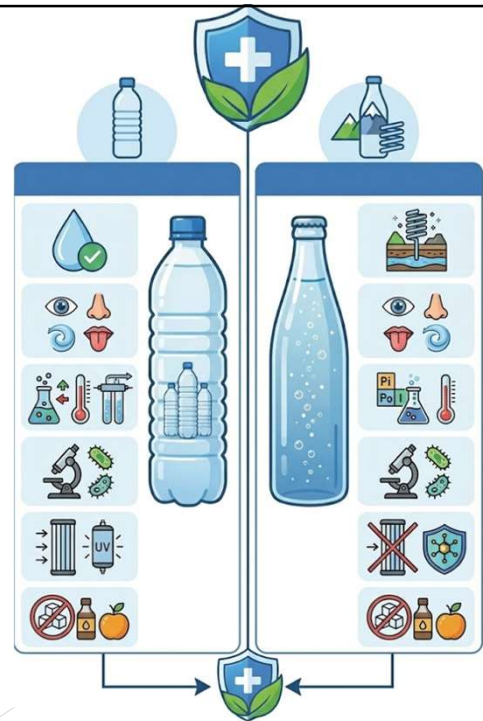
17



18

Nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên

- ▶ Cả nước có trên 40.000 cơ sở sản xuất.
- ▶ 100% cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và tự công bố sản phẩm.
- ▶ Tồn tại vẫn phát hiện các mẫu nhiễm E.coli, Coliforms, Pseudomonas aeruginosa.
 - Tỷ lệ mẫu không đạt: Duy trì ở mức 2-5% hàng năm.
 - Thời gian kiểm nghiệm dài (7-10 ngày) khiến sản phẩm thường đã tiêu thụ hết trước khi có kết quả.
 - Chưa có quy định cụ thể và định nghĩa cho nước ion kiềm.



19

Quy mô thị trường tiêu thụ thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại Việt Nam

- Quy mô lớn: 2,75 tỷ USD
- Chi tiêu bình quân thấp: 27,1 USD
- Tăng trưởng dự báo 5,4%, (cao hơn trung bình thế giới ~2%), dư địa phát triển còn rất rộng.

Sau biến động mạnh giai đoạn 2021-2025, thị trường sẽ phục hồi ổn định từ 2026.

Thị trường vẫn phân mảnh (2025):

- **Abbott, Herbalife, Taisho** đang dẫn đầu: 58,7%
 - Nhóm doanh nghiệp khác: 41,3% thị phần
- Tạo cơ hội lớn cho thương hiệu nội địa và doanh nghiệp mới gia nhập thị trường.



20

Thị trường thực phẩm BVSK Việt Nam

Dự kiến 2025 – 2030:

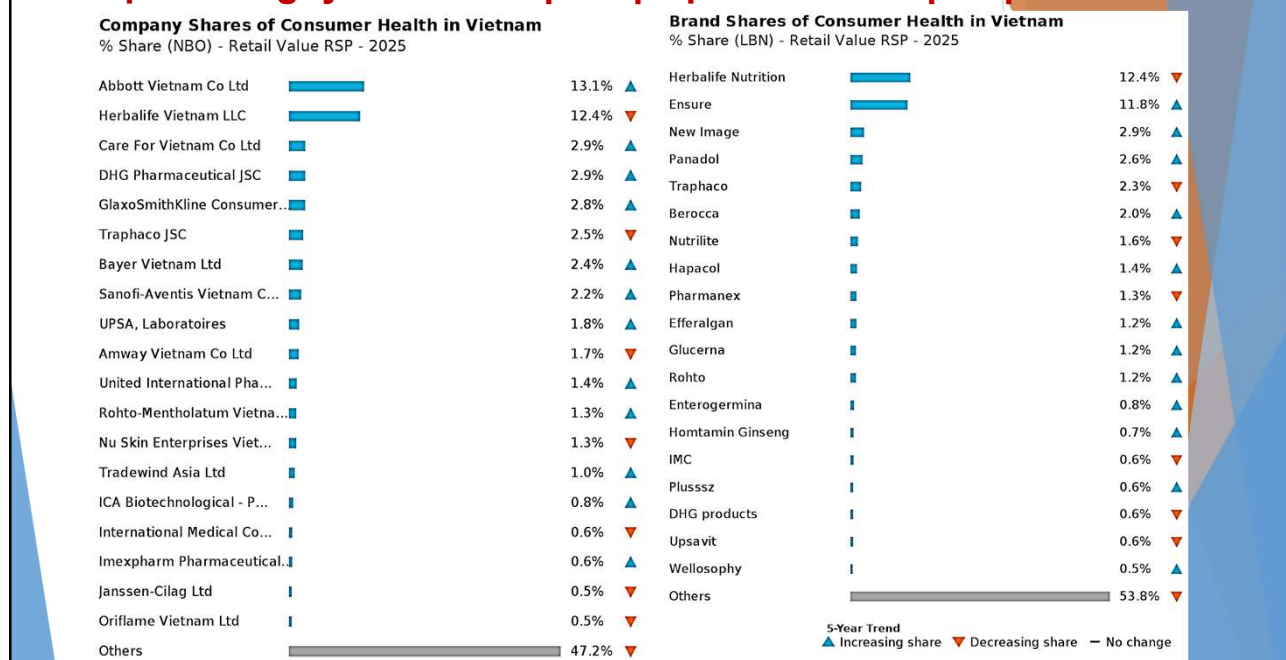
Quy mô tăng từ ~68 nghìn tỷ VND (2,4 tỷ USD) đến ~105 nghìn tỷ VND (4,1 tỷ USD)

Dù năm 2025 có dấu hiệu chững lại, nhưng dự báo giai đoạn 2025-2030 sẽ chứng kiến sự phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ ở tất cả các nhóm ngành.



21

Top 20 công ty và nhãn hiệu thực phẩm BVSK tại Việt Nam 2025



22

Quản lý Thực phẩm bảo vệ sức khỏe

► Gia tăng số lượng sản phẩm:

- Giai đoạn 2010 - 2018: Cấp giấy xác nhận cho 30.454 sản phẩm.
- Giai đoạn 2018 - Nay: Tiếp nhận bản công bố cho 68.750 sản phẩm.

► 100% doanh nghiệp sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe đạt GMP.

► Tồn tại:

- Khó kiểm soát kinh doanh đa cấp, hàng "xách tay" và quảng cáo sai sự thật trên không gian mạng
- Xuất hiện tình trạng làm giả hồ sơ, scan màu giấy tờ để công bố sản phẩm.
- Vi phạm chủ yếu là quảng cáo quá mức công dụng, lừa dối người tiêu dùng...

23

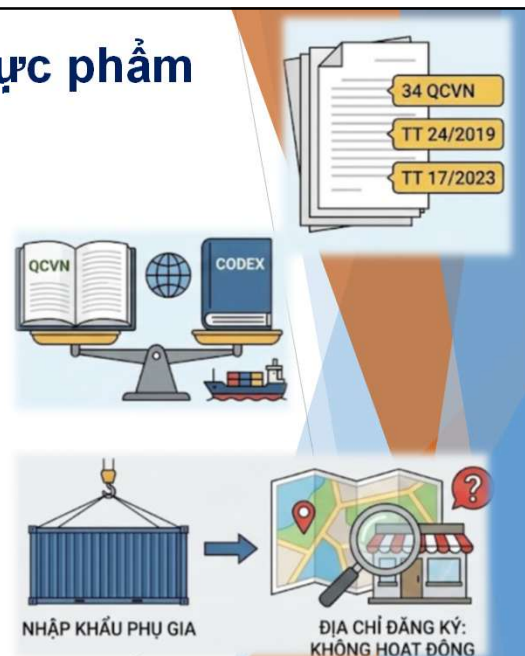
Phụ gia và hỗ trợ chế biến thực phẩm

► Ban hành 34 QCVN và các thông tư hướng dẫn (TT 24/2019, TT 17/2023)

► Danh mục phụ gia tương đồng với Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế Codex, tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu

► Tồn tại:

- Tình trạng lạm dụng khí N_2O (phụ gia thực phẩm) làm "bóng cười" tại các cơ sở giải trí.
- Phát hiện nhiều doanh nghiệp nhập khẩu phụ gia không hoạt động tại địa chỉ đăng ký, gây khó khăn cho truy xuất nguồn gốc.
- Các xe lưu động bán phụ gia không rõ nguồn gốc cho cơ sở nhỏ lẻ; năng lực xét nghiệm tuyến tỉnh còn hạn chế.



24

Bao gói và bao bì sản phẩm

- ▶ Các cơ sở chế biến quy mô lớn thực hiện tốt các quy định về bao bì chứa đựng thực phẩm.
- ▶ Phân định rõ trách nhiệm quản lý theo 3 ngành: Y tế, Nông nghiệp và Công Thương tùy theo loại sản phẩm.
- ▶ Các loại bao bì chuyên dụng hiện đã có quy định cụ thể về quản lý và kiểm soát an toàn.
- ▶ **Hạn chế:**
 - ▶ Thị trường có tình trạng sử dụng hộp xốp, ống hút, túi nilon nhập khẩu không thực hiện công bố, phổ biến tại các quán giải khát và thức ăn đường phố...
 - ▶ Cơ sở sản xuất và hộ gia đình sử dụng bao bì không rõ nguồn gốc, chưa được đánh giá mức độ phơi nhiễm chất độc hại vào thực phẩm...
 - ▶ Chưa quy định cụ thể điều kiện cơ sở vật chất đối với cơ sở sản xuất bao bì và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP)



25

Hộ kinh doanh nhỏ lẻ, thức ăn đường phố

- ▶ Năm 2021:
 - ▶ Thống kê có 2,4 triệu cơ sở nhỏ lẻ.
 - ▶ Tỷ lệ ký cam kết đạt 89% (tương đương 2 triệu cơ sở), tăng mạnh 50% so với năm 2016.
 - ▶ Năm 2021 kiểm tra 194.915 cơ sở, tỷ lệ vi phạm chỉ 0,8%.
- ▶ Khắc phục tình trạng cơ sở vật chất cũ kỹ và thực phẩm không rõ nguồn gốc.
- ▶ Chưa có chế tài xử phạt đủ mạnh đối với cơ sở không đăng ký kinh doanh hoặc chưa ký cam kết.
- ▶ Đối với hộ kinh doanh vắng lai, chủ yếu dừng lại ở mức nhắc nhở, thiếu chế tài răn đe.
- ▶ Tuyển xã thiếu kinh phí và nhân sự chuyên trách; cán bộ thường phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, gây giảm hiệu quả giám sát.



26

Kiểm nghiệm thực phẩm

- ▶ Mạng lưới cơ sở: >167 phòng kiểm nghiệm thực phẩm
 - **Trung ương:** 05 Viện (Y tế) và 11 Trung tâm (Nông nghiệp).
 - **Địa phương:** Tất cả tỉnh thành có phòng kiểm nghiệm thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật hoặc các Trung tâm chuyên ngành.
- ▶ 100% tỉnh, thành phố có phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025 năm 2020
- ▶ Chỉ định phục vụ quản lý nhà nước (năm 2024):
 - **Bộ Y tế:** 45 cơ sở kiểm nghiệm (cập nhật năm 2025 còn 34 cơ sở)
 - **Bộ Công Thương:** 23 cơ sở kiểm nghiệm.
 - **Bộ Nông nghiệp:** 43 cơ sở kiểm nghiệm.
- ▶ Các phòng kiểm nghiệm hiện đại tập trung ở đô thị lớn; vùng sâu vùng xa phải gửi mẫu đi xa gây chậm trễ kết quả (7-10 ngày).
- ▶ Chưa định danh được nhiều loại hóa chất mới, chất bảo quản phức tạp.

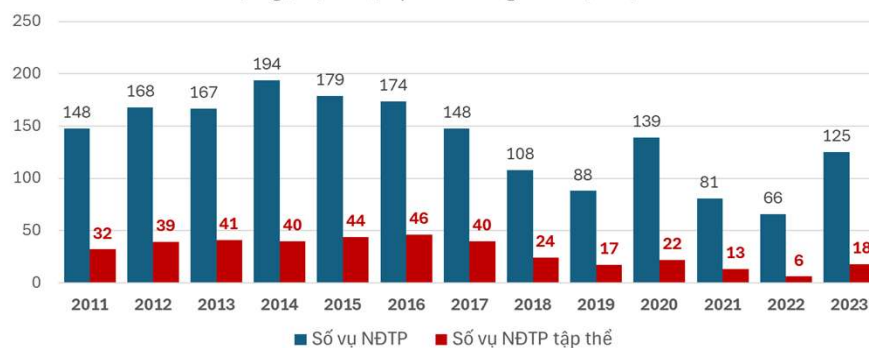


27

Giám sát Ngộ độc thực phẩm

- ▶ **Số vụ ngộ độc có chiều hướng giảm từ 2018, đặc biệt là ngộ độc tập thể**
- ▶ Nguy cơ cao tại các khu công nghiệp, bếp ăn tập thể và NĐTP do độc tố tự nhiên (nấm lạ, cá nóc...) tại vùng sâu vùng xa.
- ▶ 100% tỉnh, thành phố có phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025 năm 2020.

Số vụ ngộ độc thực phẩm hàng năm tại Việt Nam



28

Truy xuất nguồn gốc

► Ứng dụng công nghệ cao:

- Triển khai "Tem điện tử thông minh" và mã QR cho các sản phẩm đặc thù địa phương.
- Ứng dụng Internet of Things (IoT) quản lý quy trình sản xuất

► Xây dựng thương hiệu & Chuỗi giá trị:

- Xác lập chỉ dẫn địa lý thành công cho nhiều sản phẩm
- Hỗ trợ mã số mã vạch, nhãn hiệu cho các sản phẩm đạt chuẩn
- Truy xuất và khắc phục kịp thời các lô hàng xuất khẩu vi phạm quy định của EU, Mỹ.
- Kiểm soát chặt chẽ vật tư nông nghiệp nhập khẩu: Tái xuất hoặc tiêu hủy ngay lô vi phạm.
- Phần lớn cơ sở nhỏ lẻ chỉ lưu giữ hóa đơn/sổ bán hàng, chưa thiết lập hồ sơ truy xuất bài bản. Ghi chép nhật ký sản xuất và ứng dụng CNTT còn lúng túng, sơ sài.



29

QLATTP – Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

► Kiểm tra liên ngành tổng kết từ 2011-2021:

- Ngành Công Thương: **154.095 vụ việc**.
- Ngành Nông nghiệp: **288.244 cơ sở**.
- Ngành Y tế: **5.304.671 cơ sở**, phát hiện **216.423 cơ sở vi phạm (4,1%)**, tiền phạt trung bình **trên 8 tỷ đồng/năm**.

► Kiểm tra tại các tỉnh/TP từ 2011 – 2021:

- Thiết lập 359.083 đoàn thanh tra, kiểm tra tổng cộng **6.009.749 cơ sở**.
- Phát hiện **1.338.414 cơ sở vi phạm (22,2%)**, xử phạt tiền **219.887 cơ sở**, tổng tiền phạt **541,5 tỷ đồng**

► Tổng số vụ khởi tố (từ 7/2011 - 2024):

- Vi phạm ATTP: **16 vụ**
- Hàng giả: **145 vụ**

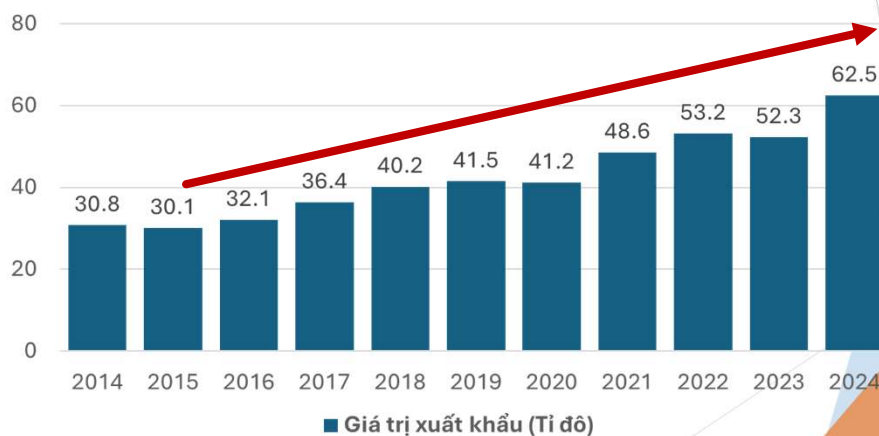
30

Tổng quan xuất nhập khẩu thực phẩm tại Việt Nam

31

Xuất khẩu thực phẩm Việt Nam trong 10 năm qua

Kim ngạch năm 2024 đạt **62,5 tỉ USD**, tăng **2 lần** so với 10 năm trước



Nguồn: <https://www.vietnamexportdata.com/blogs/vietnam-food-exports-report-2024-2025>

32

Đột phá xuất khẩu thực phẩm

► Quy mô sản xuất an toàn tăng trưởng:

- Diện tích cây trồng chuẩn VietGAP: 463.000 ha
- Chăn nuôi đạt VietGAHP: 924 trang trại và 1.249 hộ chăn nuôi
- Diện tích nuôi trồng thủy sản chuẩn VietGAP: 16.991 ha

► Chất lượng chuyển biến:

- Ý thức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật được nâng cao
- Cam kết đầu vào: kiểm soát dư lượng chất cấm, kháng sinh, hoá chất...
- 100% cơ sở công nghiệp áp dụng HACCP, ISO 22000.

► Điểm đến chính: Trung Quốc, Mỹ, EU, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc..

► Tồn tại: Việt Nam xuất khẩu sản phẩm khối lượng lớn nhưng giá trị trung bình thấp



33

Top 10 công ty xuất khẩu sản phẩm chất lượng cao tại Việt Nam

Tên công ty	Giá trị xuất khẩu 2024 (USD)	Thực phẩm xuất khẩu chính	Thị trường xuất khẩu chính
Minh Phu Seafood Corp.	\$600 triệu	Tôm, hải sản	Mỹ, Trung Quốc, Nhật, EU, Hàn Quốc
Intimex Group JSC	\$582 triệu	Gạo	Philippines, Malaysia, Châu Phi
Vinafood 1	\$546 triệu	Gạo	Trung Quốc, Philippines
Mekong Food	\$501 triệu	Gạo	Châu Phi, Trung Đông
Vinh Hoan Corporation	\$450 triệu	Cá basa	Mỹ, Trung Quốc, EU
Quoc Viet Seafood Co., Ltd.	\$350 triệu	Hải sản	Mỹ, Trung Quốc, Nhật
Sao Ta Foods (Fimex VN)	\$300 triệu	Tôm, hải sản	Mỹ, EU, Nhật
Nha Trang Seafood JSC	\$250 triệu	Hải sản	Mỹ, EU, Nhật
Hung Vuong Corporation	\$200 triệu	Cá tra, tôm	Trung Quốc, Mỹ, EU
Thuan Phuoc Seafoods & Trading Corp.	\$180 triệu	Hải sản	Trung Quốc, Mỹ, Nhật

Tỉ trọng các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu ở các mặt hàng gạo, tôm, cá basa, hải sản
Hàng hoá xuất đi đa dạng các nước, khu vực trên thế giới, bao gồm:
Mỹ, Châu Âu, Nhật, Hàn, Trung Quốc, Châu Phi...

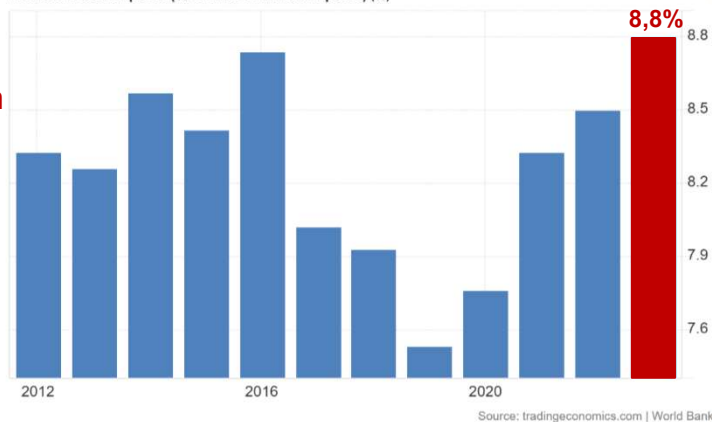
34

Nhập khẩu thực phẩm Việt Nam trong 10 năm qua

Theo Ngân hàng Thế giới:

Năm 2023, **nhập khẩu thực phẩm** chiếm **8,8%** tổng nhập khẩu, với các nhà cung cấp lớn: Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản...

Vietnam Food imports (% of merchandise imports) (%)



<https://www.vietnamexportdata.com/blogs/vietnam-food-exports-report-2024-2025>

35

Nhập khẩu thực phẩm Việt Nam

Các sản phẩm thực phẩm hàng đầu nhập khẩu vào Việt Nam năm 2023 (đơn vị tính: tỷ USD)



statista

36

Tầm nhìn: **Số lượng** ➔ **Giá trị**

- ▶ Tập trung vào chất lượng, an toàn và giá trị gia tăng bằng cách **chuyển từ xuất khẩu thô sang chế biến thực phẩm** và các sản phẩm có thương hiệu sâu hơn.
- ▶ Các **lĩnh vực ưu tiên** cho tương lai:
 - Thực phẩm chế biến và đóng gói, dây chuyền lạnh;
 - Sức khỏe, dinh dưỡng và thực phẩm chức năng;
 - Chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm bền vững, có thể truy xuất nguồn gốc;
 - Các sản phẩm thực phẩm Halal và tiêu chuẩn quốc tế.
- ▶ Bằng cách **nâng cao chuỗi giá trị** sẽ tăng cường thu nhập, khả năng phục hồi và khả năng cạnh tranh, đồng thời nâng cao hình ảnh của Việt Nam là "**đáng tin cậy và chất lượng cao**".



37

TẦM NHÌN 2045

Từ một nhà sản xuất nông nghiệp trở thành nhà cung cấp thực phẩm an toàn, bền vững và sáng tạo đáng tin cậy trong khu vực và toàn cầu — bằng cách hiện đại hóa an toàn thực phẩm, nâng cấp chế biến và xây dựng thương hiệu quốc gia bền vững.

1. Hiện đại hóa an toàn thực phẩm

- Tạo Cơ quan Thực phẩm Quốc gia thống nhất
- Thực hiện kiểm tra dựa trên rủi ro trên toàn quốc
- Thiết lập hệ thống thu hồi quốc gia tích hợp



2. Xử lý giá trị gia tăng

- Khuyến khích đầu tư tư nhân vào thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường và các sản phẩm đông lạnh thông qua các ưu đãi tài chính và R&D



3. Chuyển đổi kỹ thuật số

- Bắt buộc truy xuất nguồn gốc điện tử và chứng nhận chất lượng cho tất cả các mặt hàng xuất khẩu để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn toàn cầu
- Cho phép theo dõi từ nông trại đến bàn ăn với người tiêu dùng



4. Tích hợp bền vững

- Chứng nhận nhà máy xanh (năng lượng, nước, chất thải)
- Mở rộng quy mô tái chế năng lượng tái tạo và nước trong các nhà máy
- Định giá các sản phẩm phụ để cắt giảm lượng khí thải và chi phí



5. Định vị thương hiệu và thị trường

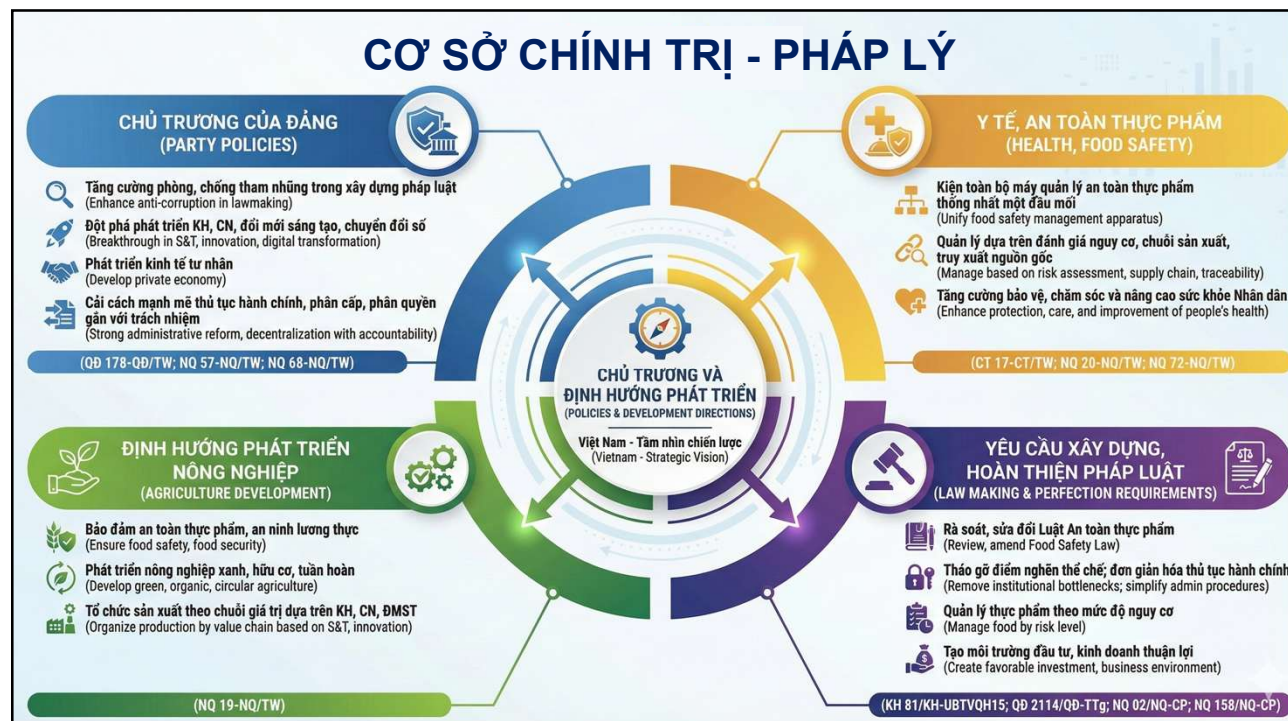
- Ra mắt nhãn hiệu quốc gia "An toàn Việt Nam" củng cố nhận thức quốc tế về các sản phẩm Việt Nam đáng tin cậy, chất lượng cao và được sản xuất có trách nhiệm



38

Các chính sách sửa đổi Luật an toàn thực phẩm

39



40

CƠ SỞ THỰC TIỄN (1)

1. Một số quy định còn chưa bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, một số quy định không còn bảo đảm tính khả thi trên thực tiễn.
2. Hệ thống quản lý chưa kiểm soát được chất lượng thực phẩm, đặc biệt là thực phẩm chức năng trong quá trình sản xuất, lưu thông trên thị trường, cụ thể.
3. Hệ thống quản lý, mô hình tổ chức bộ máy quản lý về ATTP trên toàn quốc chưa tinh gọn, thống nhất, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao.
4. Vẫn còn tình trạng sản xuất thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng với số lượng lớn gây bức xúc dư luận trong thời gian vừa qua.
5. Còn thiếu cơ chế để cơ quan nhà nước thu hồi các giấy chứng nhận đã cấp hoặc tạm dừng cung cấp các dịch vụ công khi tổ chức, cá nhân bị phát hiện vi phạm.



41

CƠ SỞ THỰC TIỄN (2)

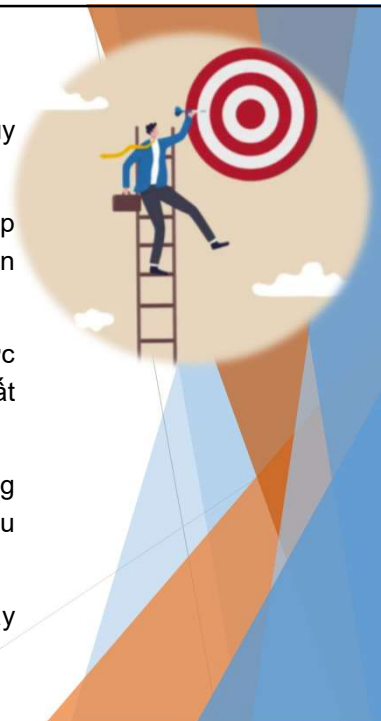
6. Chưa giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định tạm dừng thủ tục hành chính khi có vi phạm
7. Chưa giao Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục chỉ định hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng của cơ sở kiểm nghiệm do nhà nước chỉ định, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng, cơ sở kiểm nghiệm không do nhà nước chỉ định và phòng kiểm nghiệm của cơ sở sản xuất.
8. Chưa hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm
9. Chưa quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm, đăng ký lưu hành
10. Chưa quy định tổ chức, cá nhân phải kiểm nghiệm chỉ tiêu về chất lượng (bên cạnh các chỉ tiêu an toàn) của sản phẩm khi thực hiện đăng ký lưu hành thực phẩm, công bố tiêu chuẩn áp dụng



42

MỤC ĐÍCH

1. Giải quyết kịp thời các hạn chế, vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật ATTP.
2. Xác định và đề cao trách nhiệm của cơ quan quản lý, doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm, nâng cao hiệu quả bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.
3. Tăng cường công tác hậu kiểm để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng thực phẩm.
4. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền trong hoạt động về quản lý thực phẩm, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.
5. Hạn chế lo ngại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy xuất khẩu thực phẩm



43

QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng vào pháp luật, trong đó chú trọng đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; bám sát chủ trương tại Nghị quyết 20/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.
2. Kế thừa các quy định hiện hành và sắp ban hành, bảo đảm sự đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan về thực phẩm.
3. Rà soát bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất và tính khả thi của hệ thống pháp luật; bảo đảm hoàn thiện hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm; tiếp cận tối đa các thông lệ quốc tế cũng như phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
4. Đổi mới mạnh mẽ quy trình, thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm tối đa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị.



44

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- ▶ Quy định về nguyên tắc, chính sách quản lý và những hành vi bị nghiêm cấm;
- ▶ Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm;
- ▶ Điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn đối với sản phẩm thực phẩm, điều kiện của cơ sở kinh doanh sản phẩm thực phẩm;
- ▶ Nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm thực phẩm;
- ▶ Quảng cáo, ghi nhãn sản phẩm thực phẩm;
- ▶ Yêu cầu kỹ thuật, kiểm nghiệm sản phẩm thực phẩm;
- ▶ Phân tích nguy cơ và khắc phục sự cố với sản phẩm thực phẩm;
- ▶ Thông tin, giáo dục, truyền thông về chất lượng, an toàn sản phẩm thực phẩm;
- ▶ Quản lý nhà nước về sản phẩm thực phẩm.



45

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân:

- Trong nước;
- Nước ngoài

có liên quan đến:

- Hoạt động kinh doanh;
- Hoạt động không vì mục đích thương mại

liên quan đến sản phẩm thực phẩm tại Việt Nam.



46

5 ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH QLATTP

Chính sách số 1	Tăng cường quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao.
Chính sách số 2	Phân quyền quản lý nhà nước về ATTP ở Trung ương và phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quyền quản lý an toàn thực phẩm tại địa phương.
Chính sách số 3	Kiểm soát các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn trước khi lưu thông trên thị trường theo hướng dựa trên mức độ nguy cơ của từng loại sản phẩm thực phẩm.
Chính sách số 4	Kiểm soát các lô hàng thực phẩm khi nhập khẩu vào cửa khẩu Việt Nam theo hướng dựa trên nguy cơ của từng loại sản phẩm và lịch sử tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.
Chính sách số 5	Kiểm soát chặt chẽ đối với các chất đưa vào sản xuất, chế biến sản phẩm thực phẩm có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại.

47

Chính sách số 1	Tăng cường quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao.
2	MỤC TIÊU
3	▶ Siết chặt quản lý từ khâu sản xuất đến khi sản phẩm thực phẩm được lưu thông trên thị trường.
4	▶ Kết hợp tăng cường cả “tiền kiểm” và “hậu kiểm” đối với sản phẩm nguy cơ cao để đảm bảo các sản phẩm lưu thông trên thị trường an toàn và chất lượng cho người sử dụng, hướng tới phương thức kiểm soát ATTP của các nước phát triển.
5	

48

Chính sách số 1 Tăng cường quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao.

NỘI DUNG

- Bắt buộc các cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm nguy cơ cao áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất và kiểm soát an toàn thực phẩm của các nước phát triển.
- Tăng cường quản lý cơ sở kinh doanh sản phẩm thực phẩm thông qua các hoạt động tiền kiểm, hậu kiểm đối với sản phẩm thực phẩm.

49

Chính sách số 1 Tăng cường quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Điều kiện sản xuất tiên tiến
HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000

Đăng ký lưu hành

Hậu kiểm:
Hồ sơ, thủ tục, công bố, điều kiện, chất lượng, an toàn

Điều kiện an toàn:
bảo quản, hệ thống chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự

Khâu sản xuất
GMP cho TP BVS, GMP CERTIFIED

Trước khi lưu hành

Nhập khẩu nhóm nguy cơ cao:
Tăng cường kiểm tra nhà nước

TMĐT & MXH:
Công khai hồ sơ đăng ký, hồ sơ quảng cáo; giám sát quảng cáo...

Quá trình lưu hành

Điều kiện kinh doanh

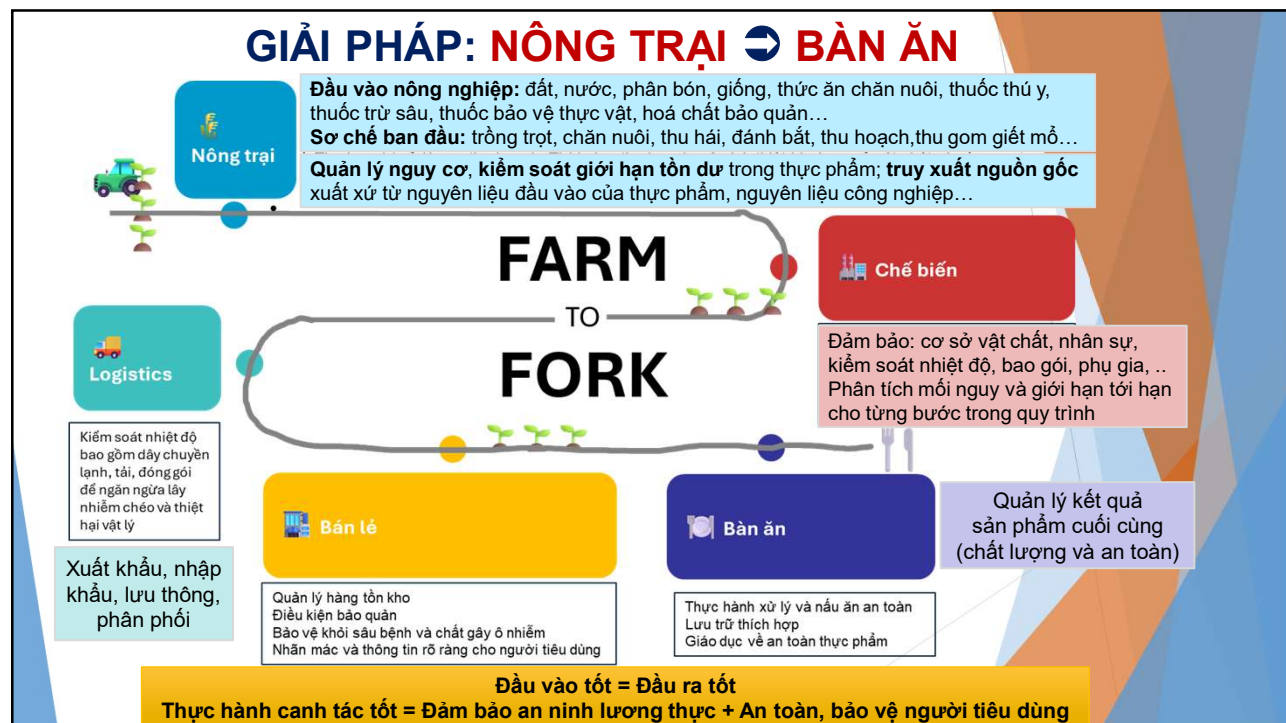
50

Chính sách số 2 **Phân quyền quản lý nhà nước về ATTP ở Trung ương và phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quyền quản lý an toàn thực phẩm tại địa phương.**

1 MỤC TIÊU

- ▶ Kiến toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất **chỉ một đầu mối** thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ Trung ương tới Địa phương.
- ▶ Phân cấp, phân quyền tối đa nhằm nâng cao vai trò của chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước về sản phẩm thực phẩm.

51



52

Chính sách số 2 **Phân quyền quản lý nhà nước về ATTP ở Trung ương và phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quyền quản lý an toàn thực phẩm tại địa phương.**

NGUYÊN TẮC PHÂN CÔNG

- 1 **Lấy người tiêu dùng làm trung tâm của chính sách an toàn thực phẩm, gắn quản lý an toàn thực phẩm với bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.**
- 3 **Quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị, bảo đảm kiểm soát rủi ro tại từng công đoạn của quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.**
- 4 **Phân định rõ ràng:**
 - Kiểm soát nguy cơ đầu vào, giới hạn tồn dư
 - Quản lý quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm
 - Quản lý kết quả cuối cùng (mức độ an toàn của sản phẩm thực phẩm khi lưu thông và tiêu dùng)
- 5 **Bảo đảm nguyên tắc một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ về an toàn thực phẩm, đồng thời phát huy tối đa chuyên môn quản lý của các Bộ, Ngành liên quan.**
- Phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương.

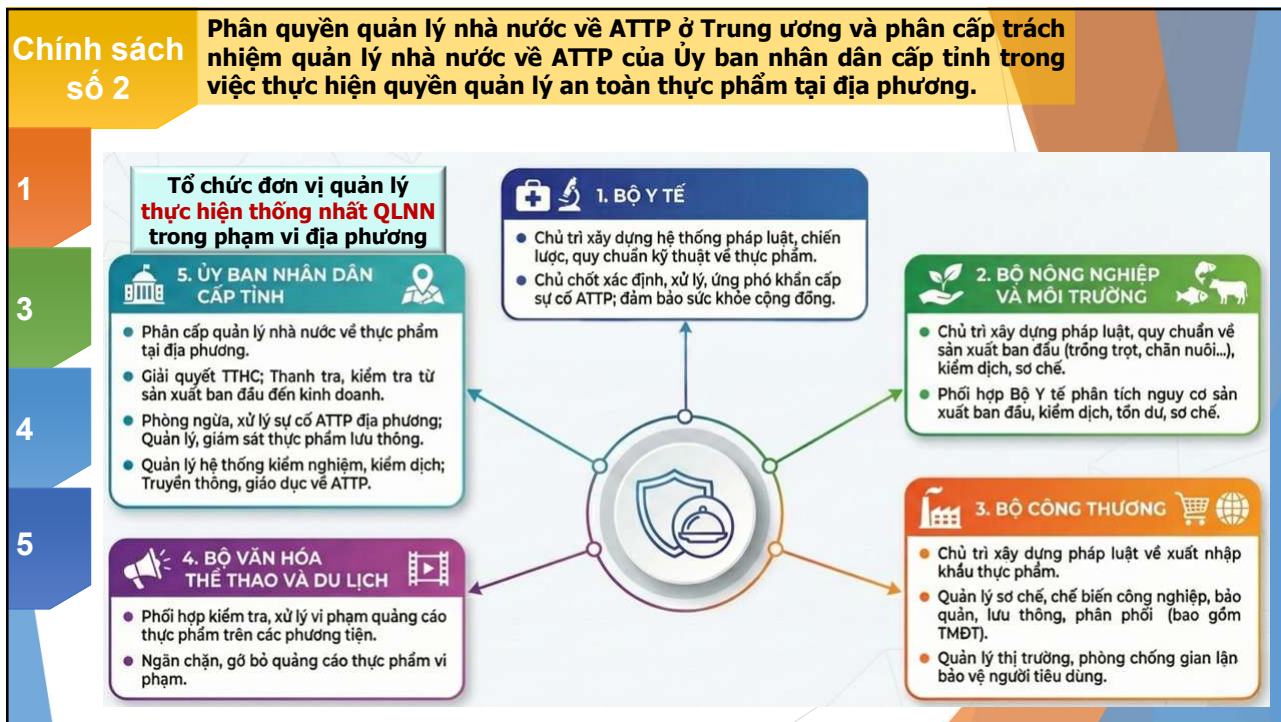
53

Chính sách số 2 **Phân quyền quản lý nhà nước về ATTP ở Trung ương và phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quyền quản lý an toàn thực phẩm tại địa phương.**

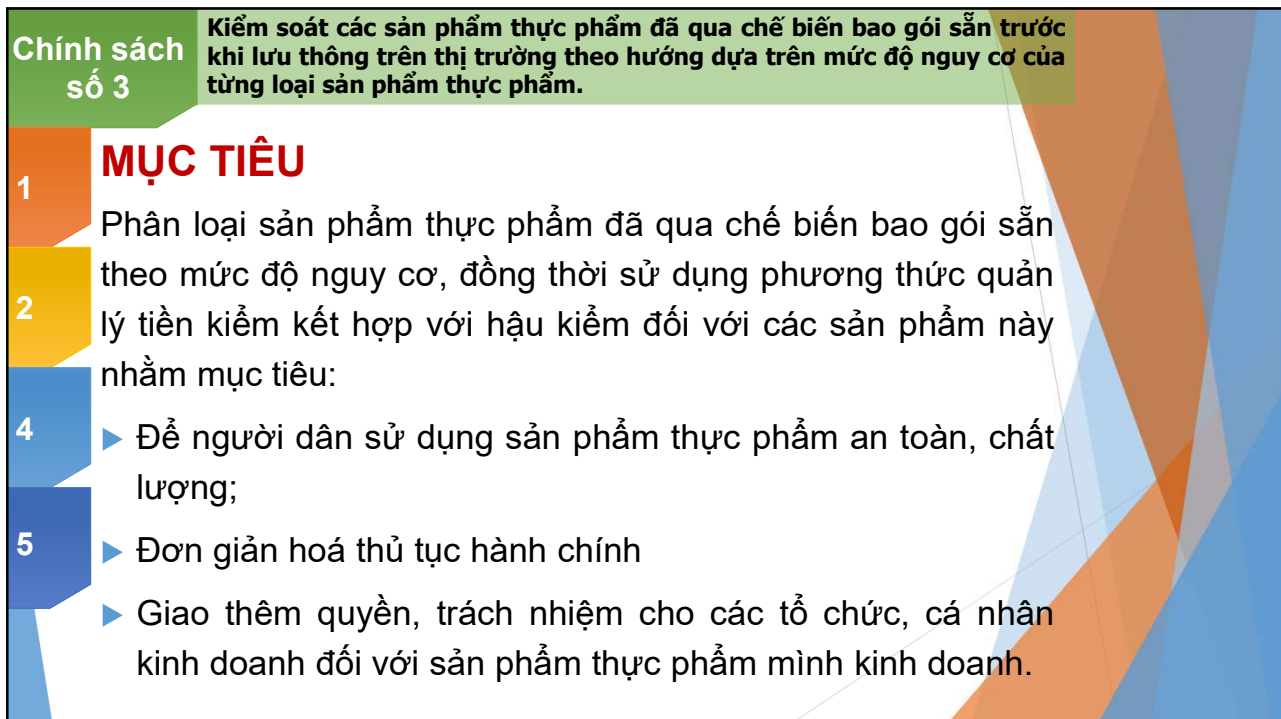
NỘI DUNG

- 1 **Quy định rõ về trách nhiệm quản lý sản phẩm thực phẩm của các Bộ, ngành liên quan bao gồm Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương để tránh chồng chéo khi thực hiện chức năng quản lý nhà nước.**
- 3 **Tăng cường trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm tại địa phương.**
- 4
- 5

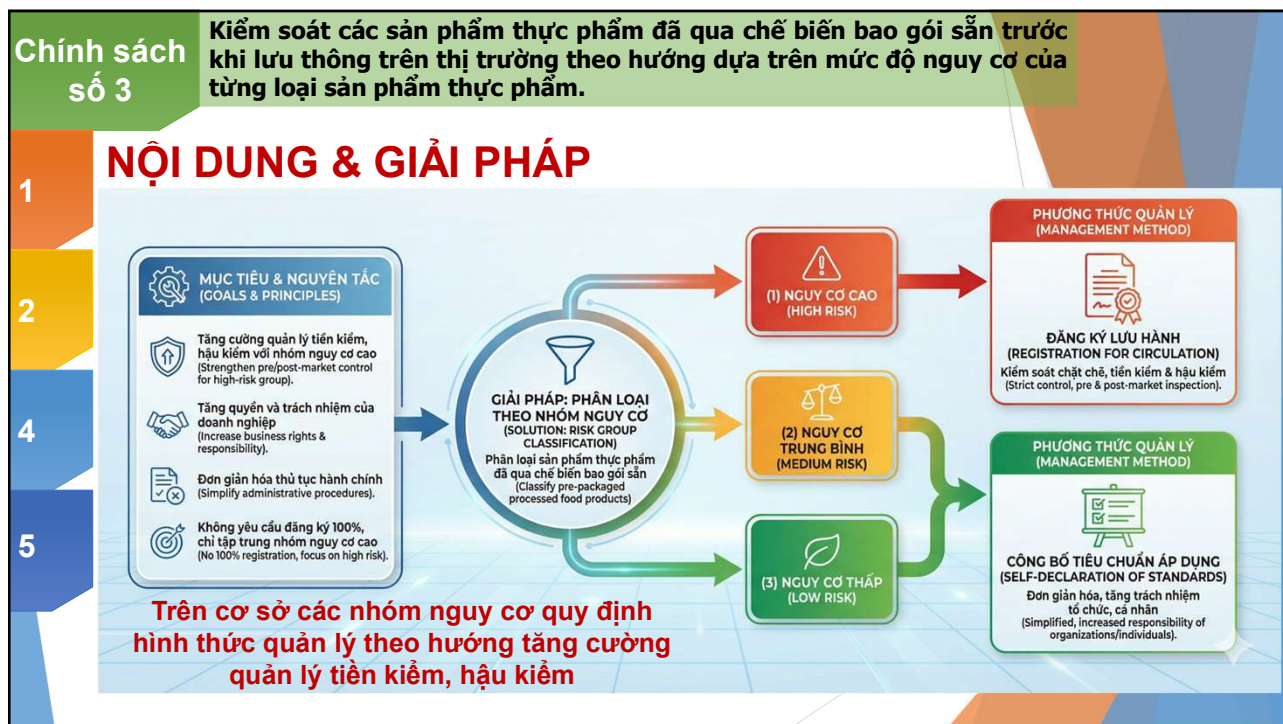
54



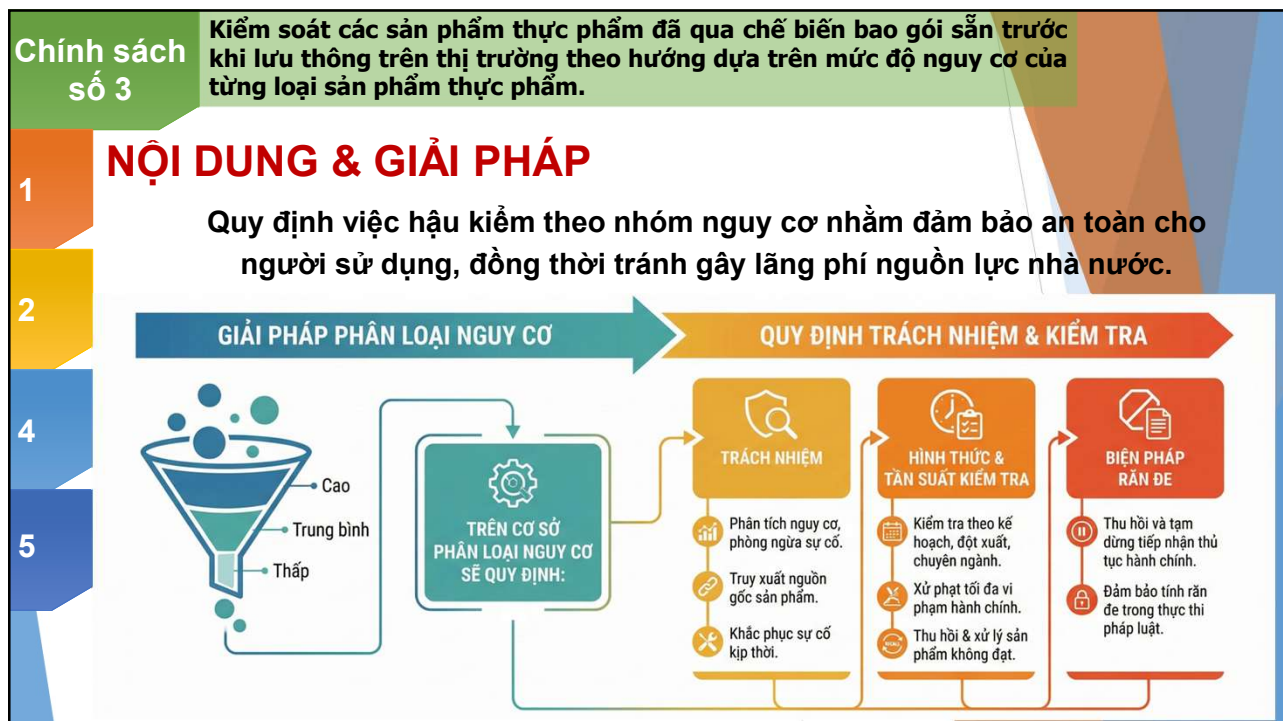
55



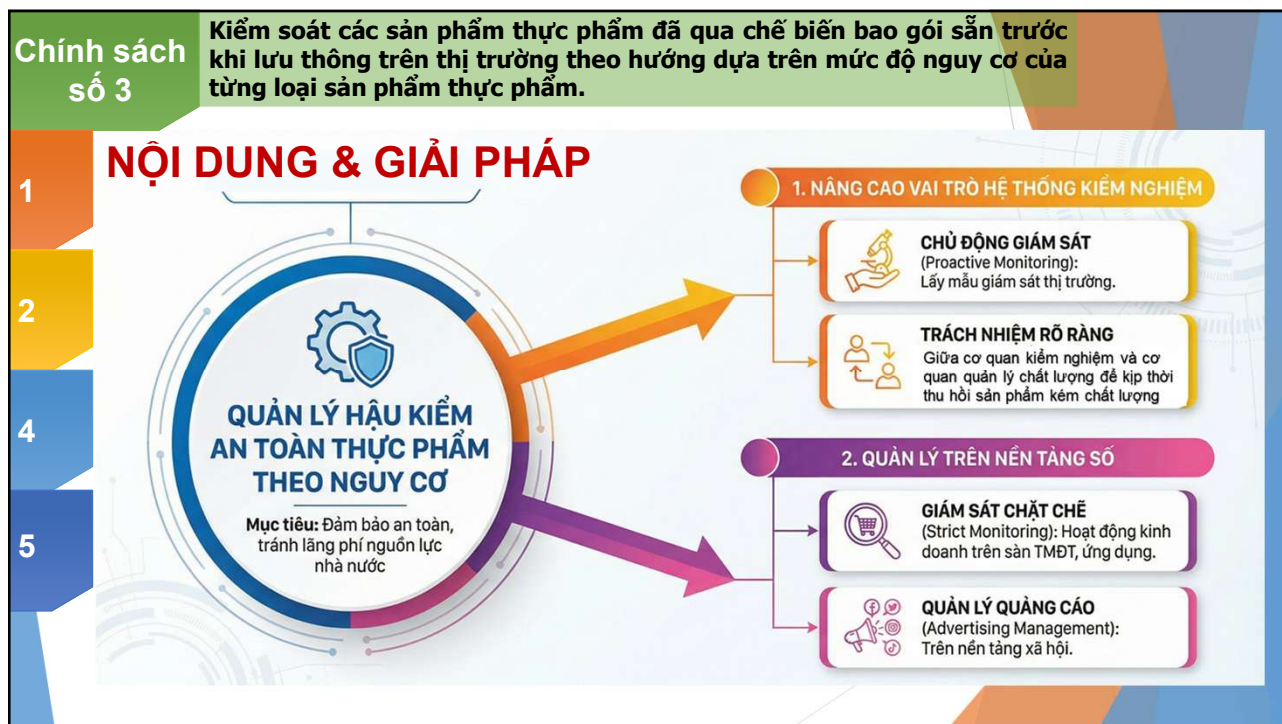
56



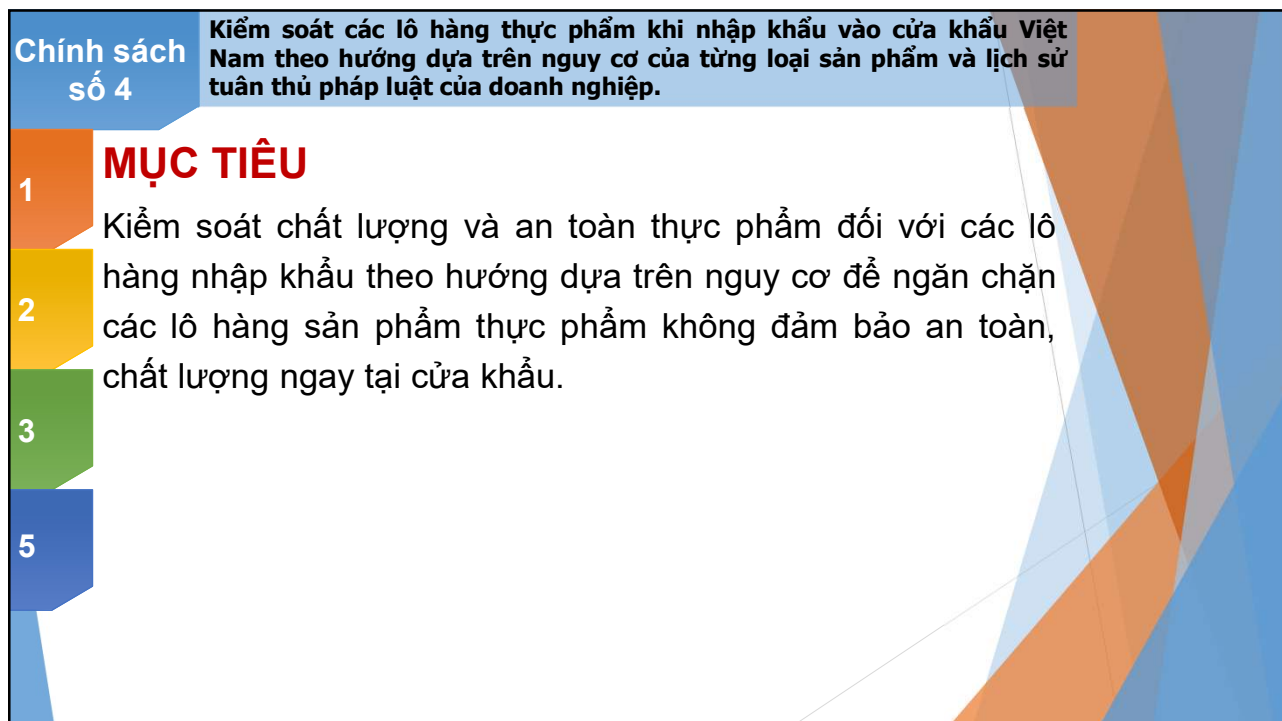
57



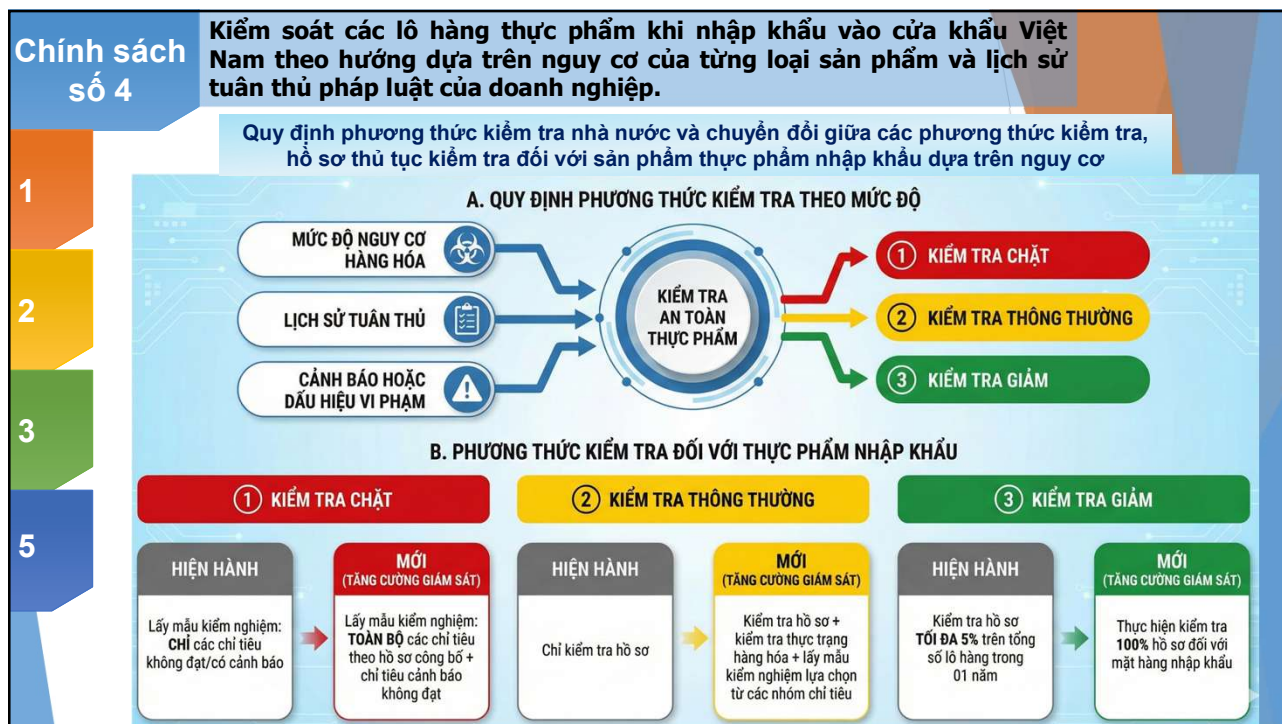
58



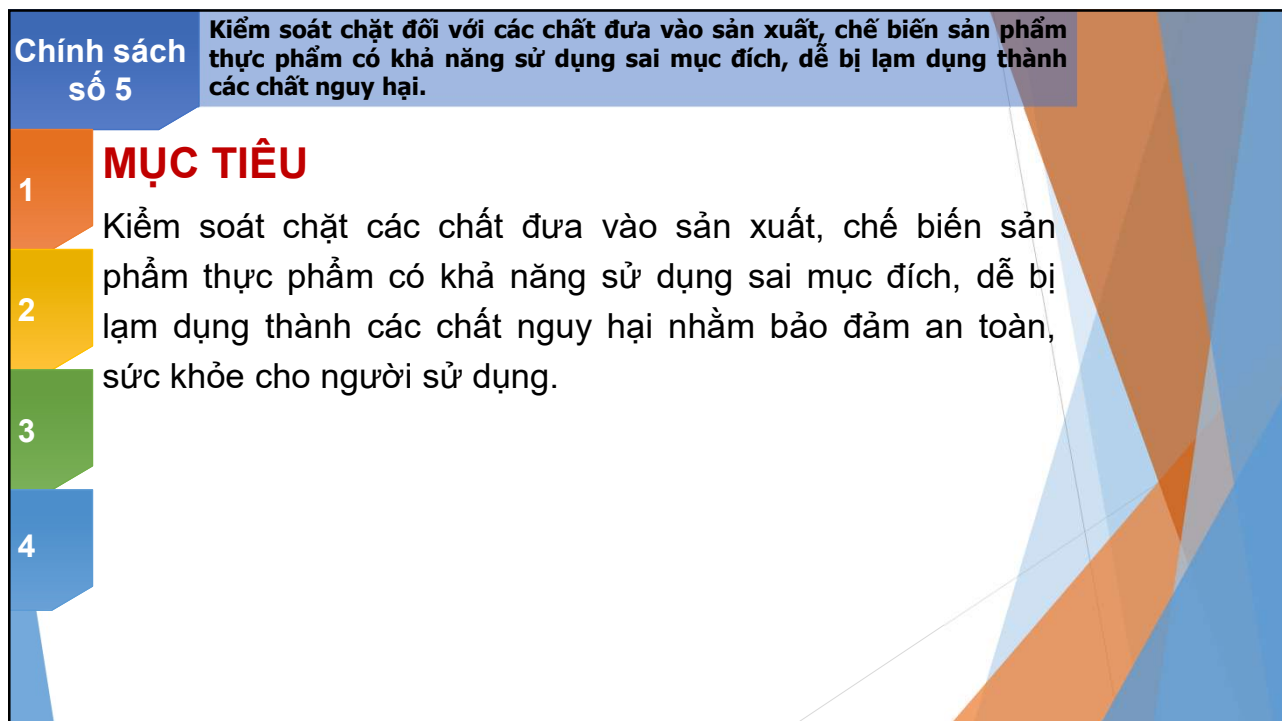
59



60



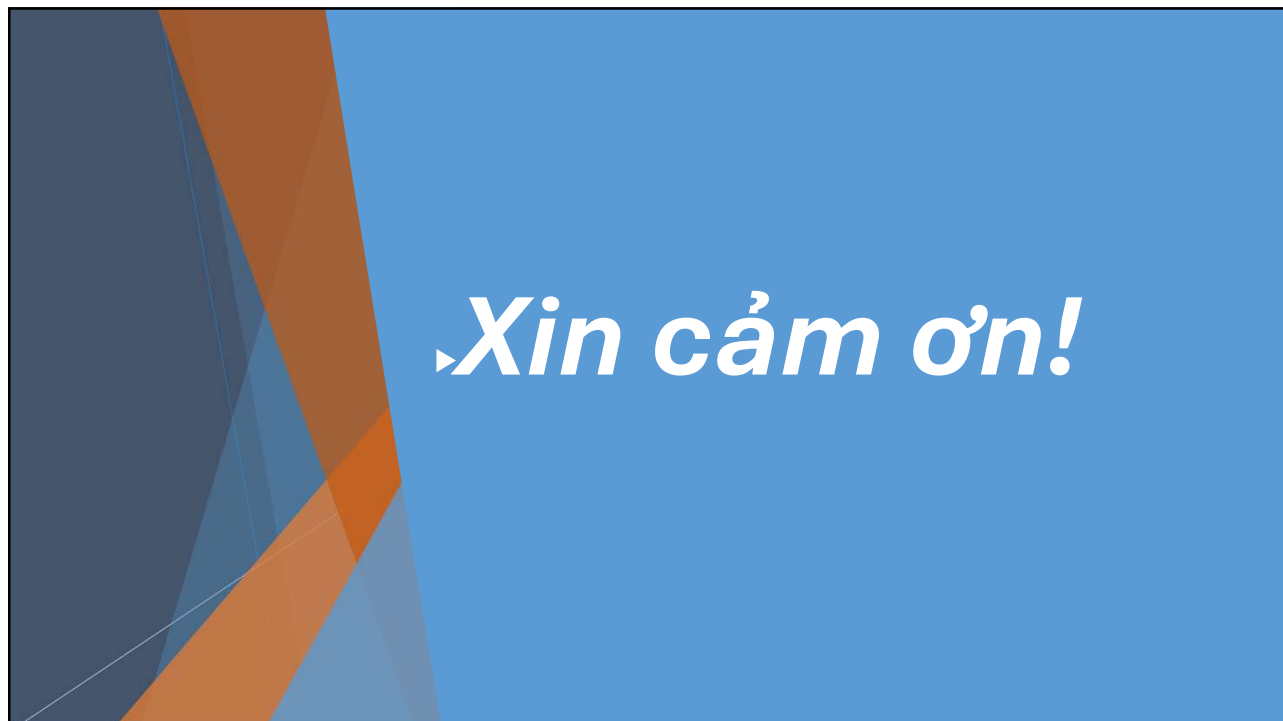
61



62



63



64